TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2024
V/v tranh chấp: *"ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Phạm Thị Thùy Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi mắng, đập phá đồ đạc trong nhà nhiều lần. Nhưng vì thương các con còn nhỏ nên chị Đ đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng hàn gắn cùng nhau chăm sóc con cái. Tuy nhiên, anh T không những không thay đổi mà anh

T còn ngang nhiên có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị Đ có hỏi lý do vì sao lại ở chung với người phụ nữ khác thì anh T noi anh T thích như vậy, thách đố chị Đ làm gì được anh T. Không thể chịu đựng cuộc sống vợ chồng như vậy nên chị Đ đã về nhà cha mẹ ruột ở xã A sinh sống. Chị Đ và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị Đ xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 17/5/2009; Nguyễn Huy B, sinh ngày 18/7/2018; Trước khi ly thân thì cả hai cháu đều sống cùng vợ chồng chị Đ, đến tháng 12/2023 thì anh T đến đưa cháu các con về ở với anh T và không cho các con về ở cùng chị Đ. Thỉnh thoảng chị Đ nhớ con nên đến nhà anh T để thăm con và có đưa các con về ở với chị vài ngày thì anh T lại đưa các con về. Nay ly hôn chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, còn cháu V thì chị Đ đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được TAND huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng Đ. Về hôn nhân: chị Đ được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 17/5/2009 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Huy B, sinh ngày 18/7/2018 cho chị Phạm Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng Đ khởi kiện anh Nguyễn Văn T trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị

đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/02/2009 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị Đ đề nghị Tòa án cho ly hôn vì quá trình chung sống chị Đ và anh T xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi mắng, đập phá đồ đạc trong nhà nhiều lần, anh T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Cả hai đã không còn sống chung từ tháng 12/2023 đến nay, chị Đ xác định hiện nay không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị Đ kiên quyết ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện sự thiếu trách nhiệm với gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh T là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, chị Đ được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: chị Đ và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 17/5/2009; Nguyễn Huy B, sinh ngày 18/7/2018; Ly hôn chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, đồng ý giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cháu V đã có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với anh T, riêng cháu B hiện đang còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho các cháu, cần giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xét. Anh T không có lời trình bày cũng như không có yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 17/5/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Huy B, sinh ngày 18/7/2018 cho chị Phạm Thị Hồng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đ và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010671 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.